



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (tiền thân là Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo quyết định số 218/2005/QĐ-UB ngày 13/12/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội.

Ngày 18/12/2015, UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành quyết định số 6988/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế được hoạt động và thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100110052 chuyển từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000354 đăng ký lần đầu ngày 20/02/2006, đăng ký thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 15 ngày 01 tháng 12 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Tên tiếng anh: International Investment Trade and Service Joint Stock Company

Tên viết tắt: INTERSERCO

Vốn điều lệ theo Giấy CN Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 01/12/2021 là: 360.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi tỷ đồng*).

Địa chỉ trụ sở chính: Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã ILS. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, cổ phiếu ILS thuộc diện duy trì diện bị cảnh báo theo Quyết định số 267/QĐ-SGDHN và Thông báo số 1543/TB-SGDHN ngày 03/4/2024 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phùng Tiến Toàn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thái Hòa	Thành viên
Ông Triệu Văn Bằng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên
Bà Phùng Thúy Hoa	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Ngô Thị Hoàng Yến	Trưởng ban
Bà Nguyễn Minh Hào	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Dũng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Hoàng Thao	Tổng Giám đốc
Bà Phùng Thúy Hoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Triệu Văn Bằng	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc.



Vũ Hoàng Thao
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Số: 324/2024/BCSX-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các **Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế, được lập ngày 28 tháng 8 năm 2024, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến thuyết minh số 5.18 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Theo Quyết định 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt giá trị Doanh nghiệp và phương án cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế: “Giảm lỗ năm 2014 từ nguồn phải trả lãi vay Ngân hàng số tiền là 23.700.359.093 đồng. Công ty có trách nhiệm lập hồ sơ, thủ tục đề nghị Ngân hàng Phát triển Việt Nam xem xét, xử lý xoá nợ lãi vay phải trả theo quy định. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Bộ Tài chính và Ngân hàng Phát triển Việt Nam chưa có ý kiến chính thức về vấn đề này.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4 - Chính sách kế toán áp dụng, cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Tính đến thời điểm ngày 30/6/2024, lỗ lũy kế của Công ty là 74.172.984.901 đồng, tại ngày này các khoản nợ phải trả ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 175.028.455.387 đồng. Những yếu tố này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 đã được soát xét bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác với Báo cáo soát xét ngày 24/8/2023 đưa ra kết luận ngoại trừ do đơn vị kiểm toán chưa thu thập được xác nhận giá trị đầu tư cũng như Báo cáo tài chính của một số khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết, đầu tư khác với giá trị 11.515.760.581 đồng. Theo đó, đơn vị kiểm toán không đưa ra kết luận về số dư các khoản đầu tư chưa được đối chiếu, xác nhận cũng như đánh giá về giá trị thuần của các khoản đầu tư này tại ngày 30/6/2023. Đến hết năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, kiểm toán viên tiền nhiệm đã thu thập được các xác nhận và hồ sơ liên quan đến giá trị đầu tư của Công ty, cũng như thu thập được Báo cáo tài chính của các Công ty này và thực hiện trích lập dự phòng bổ sung (nếu có). Đồng thời, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024, Công ty đã thu thập được Báo cáo tài chính của các khoản đầu tư trên, vì vậy vấn đề nêu trên không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác với Báo cáo kiểm toán ngày 28/3/2024 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2024/UQ/CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 01a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=100+130+140+150)	100		62.480.901.970	68.031.638.347
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.457.791.576	4.340.801.953
1. Tiền	111		3.457.791.576	4.340.801.953
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		54.987.852.432	59.747.500.083
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	68.299.775.631	74.409.363.318
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	14.738.946.025	14.596.882.592
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	500.000.000	500.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	40.233.714.445	39.426.344.842
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(68.784.583.669)	(69.185.090.669)
IV. Hàng tồn kho	140		1.899.632.543	1.627.738.579
1. Hàng tồn kho	141	5.7	1.899.632.543	1.627.738.579
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.135.625.419	2.315.597.732
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	1.020.874.466	1.369.931.447
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		150.000	150.000
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	1.114.600.953	945.516.285
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		535.850.463.804	514.978.394.937
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.100.000	7.100.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	7.100.000	7.100.000
II. Tài sản cố định	220		15.270.813.679	15.633.536.487
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	15.161.928.679	15.508.586.487
- Nguyên giá	222		91.405.251.752	90.482.144.155
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(76.243.323.073)	(74.973.557.668)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	108.885.000	124.950.000
- Nguyên giá	228		553.050.000	553.050.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(444.165.000)	(428.100.000)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		265.904.519.157	246.354.305.561
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	265.904.519.157	246.354.305.561
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	252.276.687.045	251.185.945.587
1. Đầu tư vào công ty con	251		53.496.524.750	53.496.524.750
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		62.179.760.581	62.512.154.716
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		160.780.717.137	159.357.581.544
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(24.180.315.423)	(24.180.315.423)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.391.343.923	1.797.507.302
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	2.391.343.923	1.797.507.302
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		598.331.365.774	583.010.033.284

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 01a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		312.504.350.675	298.117.924.270
I. Nợ ngắn hạn	310		237.509.357.357	231.063.850.405
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	5.470.624.876	9.366.386.050
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		378.965	438.265
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	341.745.835	185.087.750
4. Phải trả người lao động	314		2.400.476.834	3.803.309.046
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	10.025.656.014	8.163.399.295
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		199.600.000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	126.563.775.496	126.809.930.660
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	92.478.248.449	82.706.448.451
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		28.850.888	28.850.888
II. Nợ dài hạn	330		74.994.993.318	67.054.073.865
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.13	4.655.445.480	4.462.999.200
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	66.799.664.515	59.051.191.342
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	3.539.883.323	3.539.883.323
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		285.827.015.099	284.892.109.014
(400 = 410)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.18	285.827.015.099	284.892.109.014
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		360.000.000.000	360.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		360.000.000.000	360.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(74.172.984.901)	(75.107.890.986)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(75.107.890.986)	(77.352.777.650)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		934.906.085	2.244.886.664
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		598.331.365.774	583.010.033.284
(440 = 300+400)				

Người lập biểu



Phùng Ngọc Dung

Kế toán trưởng



Phạm Xuân Phương

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



Vũ Hoàng Thao

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	56.658.942.329	58.503.088.995
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		56.658.942.329	58.503.088.995
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	49.764.441.005	51.935.516.218
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		6.894.501.324	6.567.572.777
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.633.497.716	3.271.463.084
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.958.578.641	2.078.212.839
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.768.096.255	2.042.623.073
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	6.324.847.858	17.354.528.018
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		1.244.572.541	(9.593.704.996)
11. Thu nhập khác	31	6.6	59.300	13.902
12. Chi phí khác	32	6.6	309.725.756	193.893.281
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(309.666.456)	(193.879.379)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		934.906.085	(9.787.584.375)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		934.906.085	(9.787.584.375)

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phùng Ngọc Dung

Phạm Xuân Phương

Vũ Hoàng Thao



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		934.906.085	(9.787.584.375)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		1.285.830.405	1.441.618.516
- Các khoản dự phòng	03		(400.507.000)	11.428.342.970
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		190.482.386	35.589.766
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.626.363.330)	(3.266.317.912)
- Chi phí lãi vay	06		1.768.096.255	2.042.623.073
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.152.444.801	1.894.272.038
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.319.428.525	(7.911.670.261)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(271.893.964)	2.609.110.323
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2.663.099.142	6.895.332.846
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(244.779.640)	(30.045.773)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(217.506.273)	(975.434.387)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.400.792.591	2.481.564.786
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(20.264.830.190)	(317.794.530)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.419.100.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.626.363.330	3.266.317.912
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(19.057.566.860)	2.948.523.382
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		10.800.000.000	10.500.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.028.200.002)	(11.311.700.002)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		9.771.799.998	(811.700.002)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(884.974.271)	4.618.388.166
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	4.340.801.953	8.366.592.331
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.963.894	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	3.457.791.576	12.984.980.497

Người lập biểu

Phùng Ngọc Dung

Kế toán trưởng

Phạm Xuân Phương

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



Vũ Hoàng Thao

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (tiền thân là Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo quyết định số 218/2005/QĐ-UB ngày 13/12/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội.

Ngày 18/12/2015, UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành quyết định số 6988/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế được hoạt động và thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100110052 chuyển từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000354 đăng ký lần đầu ngày 20/02/2006, thay đổi lần thứ 15 ngày 01 tháng 12 năm 2021 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Tên tiếng anh: International Investment Trade and Service Joint Stock Company

Tên viết tắt: INTERSERCO

Vốn điều lệ theo Giấy CN Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 01/12/2021 là: 360.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi tỷ đồng).

Địa chỉ trụ sở chính: Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã ILS. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, cổ phiếu ILS thuộc diện duy trì diện bị cảnh báo theo Quyết định số 267/QĐ-SGDHN và Thông báo số 1543/TB-SGDHN ngày 03/4/2024 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Số lao động của Công ty tại ngày 30/6/2024 là 74 người (Tại ngày 31/12/2023 là 79 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
Chi tiết: kinh doanh dịch vụ logistics.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: dịch vụ hàng tạm nhập tái xuất và quá cảnh. Kinh doanh bán hàng miễn thuế.
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không bao gồm kim loại quý, đá quý);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không bao gồm lúa gạo, thuốc lá và xì gà)
- Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì (không bao gồm lúa gạo)
- Bán buôn thực phẩm (không bao gồm đường mía, đường củ cải);
- ...

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong kỳ: Cho thuê kho bãi, vận chuyển, thương mại, ...

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2024, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

Công ty đầu tư vào Công ty con và các Công ty liên kết như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>	<u>Tỉ lệ góp vốn</u>	<u>Tỉ lệ lợi ích</u>	<u>Tỉ lệ biểu quyết</u>
Công ty con trực tiếp					
Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây	Hà Nội	Xếp dỡ, vận chuyển và cho thuê kho bãi	50,06%	50,06%	50,06%
Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	Hà Nội	Xếp dỡ, vận chuyển	58,65%	58,65%	58,65%
Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế	Hà Nội	Cung ứng và quản lý lao động	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	Hà Nội	Tư vấn thiết kế công trình, dự án		29,00%	29,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quốc tế	Hà Nội	Xây dựng, quản lý dự án tổ hợp khách sạn, TTTM		39,78%	39,78%
Công ty May liên doanh Plummy	Hà Nội	Sản xuất và Kinh doanh hàng may mặc xuất khẩu		(i)	(i)
Công ty Cổ phần Chuỗi cung ứng Liên hợp	Hà Nội	Thương mại hàng hóa và Dịch vụ vận chuyển		49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam	Hà Nội	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác		30,60%	30,60%
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Hà Nội	Bán buôn xe ô tô và xe có động cơ khác		47,00%	47,00%
Trường Trung cấp nghề Nhân lực Quốc tế Hà Nội	Hà Nội	Đào tạo nghề		30,00%	30,00%

(i) Khoản đầu tư Công ty nhận bàn giao theo Quyết định 4271/QĐ-UBND ngày 26/09/2012 của UBND Thành phố Hà Nội. Công ty May Liên doanh Plummy chưa xác định tư cách cổ đông của Công ty.

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ.

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tính đến thời điểm 30/6/2024, lỗ lũy kế của Công ty là 74.172.984.901 đồng, tại ngày này các khoản nợ phải trả ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 175.028.455.387 đồng. Khả năng liên tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào tình hình hoạt động sản xuất của công ty, sự hỗ trợ của các cổ đông, gia hạn thanh toán các khoản vay từ các tổ chức tín dụng, cá nhân, các khoản phải trả nhà cung cấp, triển khai dự án cảng cạn ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội vào hoạt động, cũng như việc Ngân hàng Phát triển Việt Nam xem xét xử lý xóa nợ lãi vay phải trả được trình bày tại Thuyết minh số 5.18, các khoản tài trợ tài chính từ các cá nhân, tổ chức tín dụng. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục do Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng vào việc triển khai thành công các kế hoạch của Công ty trong tương lai.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng. Dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 25

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác (chi phí thiết kế nhãn hiệu, website) được ghi nhận ban đầu theo giá mua trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 05 - 5,5 năm

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ với Thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi lập Bảng cân đối kế toán tại thời điểm lập Báo cáo.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: Được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản Nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản Nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi Đại hội cổ đông quyết định và theo Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

ĐẦU TƯ
NTE
MSON: K
TP
010
VGT
HH
TOA
TNA
01

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp Theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của hàng hóa, dịch vụ trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp) là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	381.247.146	260.892.207
Tiền gửi ngân hàng	3.076.544.430	4.079.909.746
Tổng	3.457.791.576	4.340.801.953

5.2. Phải thu khách hàng

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	68.299.775.631	74.409.363.318
Công ty Cổ phần Măng Gan Chiến Thắng (i)	12.778.342.970	13.078.342.970
Công ty Cổ phần vận tải Thương mại và Xuất nhập khẩu Thiện Tài (i)	24.353.472.000	24.353.472.000
Tổng công ty Đầu tư và PT hạ tầng đô thị UDIC - Công ty TNHH MTV	6.440.269.832	6.440.269.832
Công ty Cổ phần Thương mại Điện máy Việt Long (i)	6.108.373.827	6.148.373.827
Công ty Cổ phần Mai Vũ	1.666.620.000	5.004.477.320
Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp II Đà Nẵng	3.185.323.200	4.685.323.200
Các đối tượng khác	13.767.373.802	14.699.104.169
Tổng	68.299.775.631	74.409.363.318

Trong đó:

Phải thu khách hàng là các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

374.000.600

2.333.177.191

(i) Các khoản công nợ đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định.

5.3. Trả trước cho người bán

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	14.738.946.025	14.596.882.592
Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Hà Nội	5.336.785.750	5.336.785.750
KVN INVESTMENT LLC (i)	4.722.879.570	4.722.879.570
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và thiết kế xây dựng Việt Nam	1.203.742.500	1.203.742.500
Các đối tượng khác	3.475.538.205	3.333.474.772
Tổng	14.738.946.025	14.596.882.592

Trong đó:

Trả trước người bán là các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

523.888.242

523.888.242

(i) Khoản công nợ đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.4. Phải thu về cho vay

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	500.000.000	(500.000.000)	500.000.000	(500.000.000)
Công ty Cổ phần INTERSERCO VCI	500.000.000	(500.000.000)	500.000.000	(500.000.000)
Tổng	500.000.000	(500.000.000)	500.000.000	(500.000.000)

5.5. Phải thu hạn khác

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	40.233.714.445	(7.565.528.172)	39.426.344.842	(7.565.528.172)
Ký cược, ký quỹ	121.000.000	-	79.000.000	-
Tạm ứng	31.014.402.646	-	30.333.481.624	-
Phải thu khác	9.098.311.799	(7.565.528.172)	9.013.863.218	(7.565.528.172)
- Ông Trịnh Quang Chiến	3.560.333.333	(3.560.333.333)	3.560.333.333	(3.560.333.333)
- Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	743.704.320	(750.730.349)	753.214.349	(750.730.349)
+ Công nợ mới phát sinh	(7.026.029)	-	2.484.000	-
+ Công nợ tồn đọng	750.730.349	(750.730.349)	750.730.349	(750.730.349)
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đồng Gia Phát	2.816.668.586	(2.816.668.586)	2.816.668.586	(2.816.668.586)
- Các đối tượng khác	1.977.605.560	(437.795.904)	1.883.646.950	(437.795.904)
Dài hạn	7.100.000	-	7.100.000	-
Ký cược, ký quỹ	7.100.000	-	7.100.000	-
Tổng	40.240.814.445	(7.565.528.172)	39.433.444.842	(7.565.528.172)

Trong đó:

Phải thu các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

Phải thu các bên liên quan	1.070.847.693	-	770.602.349	-
-----------------------------------	----------------------	----------	--------------------	----------

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.6. Nợ xấu

	30/6/2024 (VND)			01/01/2024 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
- Phải thu khách hàng	55.200.455.967	(55.200.455.967)	-	55.600.962.967	(55.600.962.967)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Điện máy Việt Long	6.148.373.827	(6.148.373.827)	-	6.148.373.827	(6.148.373.827)	-
Công ty Cổ phần vận tải TM và XNK Thiện Tài	24.353.472.000	(24.353.472.000)	-	24.353.472.000	(24.353.472.000)	-
Công ty Cổ phần Măng gan Chiến Thắng	12.778.342.970	(12.778.342.970)	-	13.078.342.970	(13.078.342.970)	-
Các đối tượng khác	11.920.267.170	(11.920.267.170)	-	12.020.774.170	(12.020.774.170)	-
- Trả trước cho người bán	5.518.599.530	(5.518.599.530)	-	5.518.599.530	(5.518.599.530)	-
KVN INVESTMENT LLC	4.722.879.570	(4.722.879.570)	-	4.722.879.570	(4.722.879.570)	-
Công ty Cổ phần xếp dỡ lắp đặt máy THL	218.000.000	(218.000.000)	-	218.000.000	(218.000.000)	-
Các đối tượng khác	577.719.960	(577.719.960)	-	577.719.960	(577.719.960)	-
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	500.000.000	(500.000.000)	-	500.000.000	(500.000.000)	-
Công ty Cổ phần INTERSERCO VCI	500.000.000	(500.000.000)	-	500.000.000	(500.000.000)	-
- Phải thu khác	7.565.528.172	(7.565.528.172)	-	7.565.528.172	(7.565.528.172)	-
Ông Trịnh Quang Chiến	3.560.333.333	(3.560.333.333)	-	3.560.333.333	(3.560.333.333)	-
Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	750.730.349	(750.730.349)	-	750.730.349	(750.730.349)	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đồng Gia Phát	2.816.668.586	(2.816.668.586)	-	2.816.668.586	(2.816.668.586)	-
Các đối tượng khác	437.795.904	(437.795.904)	-	437.795.904	(437.795.904)	-
Tổng	68.784.583.669	(68.784.583.669)	-	69.185.090.669	(69.185.090.669)	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.7. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.780.317.780	-	1.602.071.484	-
Hàng hóa (không bao gồm hàng hóa bất động sản)	119.314.763	-	25.667.095	-
Tổng	1.899.632.543	-	1.627.738.579	-

5.8. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	1.020.874.466	1.369.931.447
Chi phí chờ phân bổ	1.020.874.466	1.369.931.447
Dài hạn	2.391.343.923	1.797.507.302
Công cụ dụng cụ xuất dùng	371.385.753	625.785.827
Chi phí giới thiệu cảng ICD Đức Thượng	811.394.957	811.394.957
Tiền đền bù hoa màu xã Sơn Đồng (ICD Đức Thượng)	255.408.549	260.940.861
Chi phí trả trước dài hạn khác	953.154.664	99.385.657
Tổng	3.412.218.389	3.167.438.749

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2024	80.978.841.605	3.016.049.025	5.576.474.498	488.714.058	422.064.969	90.482.144.155
Tăng trong kỳ	860.107.597	-	-	-	96.000.000	956.107.597
Đầu tư XD/CB hoàn thành	860.107.597	-	-	-	-	860.107.597
Mua trong kỳ	-	-	-	-	63.000.000	63.000.000
Phân loại lại	-	-	-	-	33.000.000	33.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	33.000.000	-	-	33.000.000
Phân loại lại	-	-	33.000.000	-	-	33.000.000
Số dư tại 30/6/2024	81.838.949.202	3.016.049.025	5.543.474.498	488.714.058	518.064.969	91.405.251.752
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2024	68.580.934.647	2.139.594.362	3.724.876.488	290.066.795	238.085.376	74.973.557.668
Tăng trong kỳ	847.465.859	159.290.784	186.720.348	48.474.522	60.813.892	1.302.765.405
Khấu hao trong kỳ	847.465.859	159.290.784	186.720.348	48.474.522	27.813.892	1.269.765.405
Phân loại lại	-	-	-	-	33.000.000	33.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	33.000.000	-	-	33.000.000
Phân loại lại	-	-	33.000.000	-	-	33.000.000
Số dư tại 30/6/2024	69.428.400.506	2.298.885.146	3.878.596.836	338.541.317	298.899.268	76.243.323.073
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2024	12.397.906.958	876.454.663	1.851.598.010	198.647.263	183.979.593	15.508.586.487
Tại 30/6/2024	12.410.548.696	717.163.879	1.664.877.662	150.172.741	219.165.701	15.161.928.679

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng tại ngày 30/6/2024 là 26.692.808.292 đồng (tại ngày 31/12/2023 là 33.059.575.741 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Chương trình phần mềm	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2024	553.050.000	553.050.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2024	553.050.000	553.050.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2024	428.100.000	428.100.000
Tăng trong kỳ	16.065.000	16.065.000
Khấu hao trong kỳ	16.065.000	16.065.000
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2024	444.165.000	444.165.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2024	124.950.000	124.950.000
Tại 30/6/2024	108.885.000	108.885.000

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng tại ngày 30/6/2024 là 392.400.000 đồng (tại ngày 31/12/2023 là 392.400.000 đồng).

5.11. Xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí XD CB dở dang	265.904.519.157	265.904.519.157	246.354.305.561	246.354.305.561
Dự án đầu tư xây dựng cảng cạn ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội (i)	263.939.992.518	263.939.992.518	244.389.778.922	244.389.778.922
Dự án khác	1.964.526.639	1.964.526.639	1.964.526.639	1.964.526.639
Tổng	265.904.519.157	265.904.519.157	246.354.305.561	246.354.305.561

(i) Dự án đầu tư xây dựng Cảng nội địa (ICD) Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội được UBND Thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định 403/QĐ-UBND ngày 26/01/2015. Theo Quyết định 4906/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 điều chỉnh chủ trương đầu tư:

- Quy mô, diện tích đất sử dụng khoảng 17,737 ha;
- Tổng vốn đầu tư khoảng 1.720,931 tỷ đồng;
- Thời hạn hoạt động dự án: 50 năm kể từ ngày 26/01/2015;
- Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2015 - Quý IV/2024.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ		30/6/2024			01/01/2024		
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con			53.496.524.750		-	53.496.524.750		-
Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây	50,06%	50,06%	19.522.800.000	(iii)	-	19.522.800.000	(iii)	-
Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	58,65%	58,65%	18.673.724.750	(iii)	-	18.673.724.750	(iii)	-
Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế	51,00%	51,00%	15.300.000.000	(iii)	-	15.300.000.000	(iii)	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			62.179.760.581		(22.005.465.148)	62.512.154.716		(22.005.465.148)
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	29,00%	29,00%	754.000.000	(iii)	-	754.000.000	(iii)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quốc tế	39,78%	39,78%	9.594.973.518	(iii)	(9.049.881.160)	9.594.973.518	(iii)	(9.049.881.160)
Công ty May liên doanh Plummy (i)			3.920.787.063	(iii)	(3.920.787.063)	3.920.787.063	(ii)	(3.920.787.063)
Công ty Cổ phần Chuỗi cung ứng Liên hợp	49,00%	49,00%	9.800.000.000	(iii)	(5.185.480.613)	9.800.000.000	(ii)	(5.185.480.613)
Công ty Cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam	30,60%	30,60%	3.060.000.000	(iii)	(1.402.165.306)	3.060.000.000	(iii)	(1.402.165.306)
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	47,00%	47,00%	30.550.000.000	(iii)	-	30.882.394.135	(iii)	-
Trường Trung cấp nghề Nhân lực Quốc tế Hà Nội	30,00%	30,00%	4.500.000.000	(iii)	(2.447.151.006)	4.500.000.000	(iii)	(2.447.151.006)
Đầu tư dài hạn khác			160.780.717.137		(2.174.850.275)	159.357.581.544		(2.174.850.275)
Công ty Cổ phần Logistics Hàng không			43.719.756.997	(iii)	-	43.719.756.997	(iii)	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG (ii)			6.058.759.158		16.518.362.800	4.639.659.158	15.219.890.400	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sừ Pán 1	6,08%	6,08%	22.632.000.000	(iii)	(2.174.850.275)	22.632.000.000	(ii)	(2.174.850.275)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan			811.691	(iii)	-	865.389	(ii)	-
Công ty Cổ phần Logistics Quốc tế Tây Ninh	15,00%	15,00%	82.500.000.000	(iii)	-	82.500.000.000	(ii)	-
Công ty Cổ phần Khang Việt Hà	7,33%	7,33%	5.865.300.000	(iii)	-	5.865.300.000	(ii)	-
Công ty TNHH Chứng khoán NH TMCP Ngoại thương			4.089.291	(iii)	-	-	(iii)	-
Tổng			276.457.002.468		(24.180.315.423)	275.366.261.010	(iii)	(24.180.315.423)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

- (i) Khoản đầu tư Công ty nhận bàn giao theo Quyết định 4271/QĐ-UBND ngày 26/09/2012 của UBND Thành phố Hà Nội. Công ty May Liên doanh Plummy chưa xác định tư cách cổ đông của Công ty.
- (ii) Trong kỳ, Công ty mua thêm cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu, số cổ phiếu Công ty sở hữu sau giao dịch là 851.462 cổ phiếu. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào ASG được xác định theo giá trị niêm yết tại ngày 28/6/2024 là 16.518.326.800 đồng.
- (iii) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.13. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	5.470.624.876	5.470.624.876	9.366.386.050	9.366.386.050
Công ty Cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam	1.289.326.060	1.289.326.060	1.242.880.250	1.242.880.250
Công ty cổ phần Interserco Mỹ Đình	1.204.236.285	1.204.236.285	1.178.384.018	1.178.384.018
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô tại Hải Phòng	-	-	1.358.046.000	1.358.046.000
Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	277.128.600	277.128.600	2.075.976.000	2.075.976.000
Công ty TNHH Logistics XNK	755.200.000	755.200.000	1.391.300.000	1.391.300.000
Các đối tượng khác	1.944.733.931	1.944.733.931	2.119.799.782	2.119.799.782
b. Dài hạn	4.655.445.480	4.655.445.480	4.462.999.200	4.462.999.200
Changlin Company Limited	4.655.445.480	4.655.445.480	4.462.999.200	4.462.999.200
Tổng	10.126.070.356	10.126.070.356	13.829.385.250	13.829.385.250
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải trả các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>43.741.220</i>	<i>43.741.220</i>	<i>9.094.900</i>	<i>9.094.900</i>

5.14 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2024
	Phải nộp	185.087.750	7.211.894.042	7.055.235.957
Thuế giá trị gia tăng	185.087.750	1.079.549.268	978.576.684	286.060.334
Thuế thu nhập cá nhân	-	454.920.751	399.235.250	55.685.501
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	5.507.005.746	5.507.005.746	-
Lệ phí môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	170.418.277	170.418.277	-
Phải thu	945.516.285	-	169.084.668	1.114.600.953
Thuế XNK	37.758.123	-	-	37.758.123
Thuế thu nhập doanh nghiệp	815.538.025	-	-	815.538.025
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	92.220.137	-	169.084.668	261.304.805

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	10.025.656.014	8.163.399.295
Lãi vay phải trả	9.242.814.887	7.483.733.902
Chi phí phải trả khác	782.841.127	679.665.393
Tổng	10.025.656.014	8.163.399.295
<i>Trong đó: Phải trả các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>222.521.282</i>	<i>101.701.370</i>

5.16. Phải trả khác

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	126.563.775.496	126.809.930.660
Kinh phí công đoàn	46.483.650	46.317.660
- Hợp tác kinh doanh	4.420.950.000	4.720.950.000
+ Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	1.420.950.000	1.420.950.000
+ Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	3.000.000.000	3.300.000.000
- Lãi vay phải trả (i)	25.764.872.827	25.764.872.827
+ Ngân hàng Phát triển VN-Sở GD I -Phòng GD Hà Đông	189.545.619	189.545.619
+ Ngân hàng Nông nghiệp Hoài Đức	94.250.000	94.250.000
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I	25.481.077.208	25.481.077.208
- Các khoản phải trả liên quan giá trị lợi thế quyền khai thác tài sản trên đất tại số 17 Phạm Hùng (ii)	95.118.788.118	95.118.788.118
+ Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	45.203.127.617	45.203.127.617
+ Công ty cổ phần Logistics Hàng Không	35.493.704.528	35.493.704.528
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	3.114.611.124	3.114.611.124
+ Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	11.307.344.849	11.307.344.849
- Phải trả phải nộp khác	1.212.680.901	1.159.002.055
Dài hạn	66.799.664.515	59.051.191.342
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	66.799.664.515	59.051.191.342
Tổng	193.363.440.011	185.861.122.002
<i>Trong đó: Phải trả các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>96.425.126.994</i>	<i>96.725.126.994</i>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.16. Phải trả ngắn hạn khác (Tiếp theo)

(i) Theo Quyết định 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt giá trị Doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế: "Giảm lỗ năm 2014 từ nguồn phải trả lãi vay Ngân hàng số tiền là 23.700.359.093 đồng. Công ty có trách nhiệm lập hồ sơ, thủ tục đề nghị Ngân hàng Phát triển Việt Nam xem xét, xử lý xóa nợ lãi vay phải trả theo quy định. Công ty đã lập hồ sơ và làm thủ tục này tuy nhiên Bộ tài chính và Ngân hàng Phát triển Việt Nam chưa có ý kiến chính thức về vấn đề này.

(ii) Theo Công văn số 2998/STC-TCDN ngày 30/05/2016 của Sở Tài chính Hà Nội và Công văn số 3580/UBND-KT ngày 15/06/2016 của UBND Thành phố Hà Nội quy định Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế có trách nhiệm:

- Thực hiện quản lý, hạch toán và sử dụng đúng mục đích số tiền 145.218.105.584 VND (sau khi trừ đi giá trị tài sản đề góp vốn vào Công ty Cổ phần là nhà cửa, công trình vật kiến trúc trên đất là 34.781.894.416 VND) do các đối tác hỗ trợ chi phí di dời, bồi thường và lợi thế khai thác tài sản trên đất khi thực hiện dự án số 17 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo quy định. Trong đó, giá trị bồi thường và chi phí hỗ trợ di dời đối với các Công ty đang kinh doanh khai thác tại khu đất 17 Phạm Hùng, Hà Nội cụ thể như sau:

Nội dung	Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam
Bồi thường nhà cửa, công trình vật kiến trúc trên đất	7.259.393.491		20.966.179.815	42.358.640.054
Bồi thường về các khoản chi phí đầu tư thêm	120.695.567	-	300.318.435	1.495.035.156
Bồi thường do vi phạm hợp đồng	-	-	3.250.320.000	-
Chi phí hỗ trợ di dời	3.927.255.791	3.114.611.124	10.976.886.278	1.349.462.407
Cộng	11.307.344.849	3.114.611.124	35.493.704.528	45.203.127.617

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.17. Vay và nợ thuế tài chính

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		Trong kỳ		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	92.366.548.447	92.366.548.447	10.800.000.000	916.500.000	82.483.048.447	82.483.048.447
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I - Phòng Giao dịch Hà Đông (1)	499.953.917	499.953.917	-	-	499.953.917	499.953.917
Công ty Cổ phần Cung ứng nhân lực và thương mại Quốc tế (2)	2.600.000.000	2.600.000.000	800.000.000	-	1.800.000.000	1.800.000.000
Trung tâm Mỹ thuật & Đầu tư phát triển văn hoá	192.101.379	192.101.379	-	-	192.101.379	192.101.379
Ông Nguyễn Minh Tuấn (3)	76.090.993.151	76.090.993.151	-	-	76.090.993.151	76.090.993.151
Bà Phạm Thị Mai Phương (4)	400.000.000	400.000.000	-	-	400.000.000	400.000.000
Bà Đào Thị Kim Oanh (5)	3.500.000.000	3.500.000.000	-	-	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty cổ phần Interserco Mỹ Đình (6)	5.800.000.000	5.800.000.000	5.800.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam (7)	3.283.500.000	3.283.500.000	4.200.000.000	916.500.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	111.700.002	111.700.002	-	111.700.002	223.400.004	223.400.004
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (8)	111.700.002	111.700.002	-	111.700.002	223.400.004	223.400.004
Vay dài hạn	3.539.883.323	3.539.883.323	-	-	3.539.883.323	3.539.883.323
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (8)	539.883.323	539.883.323	-	-	539.883.323	539.883.323
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam (9)	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Tổng	96.018.131.772	96.018.131.772	10.800.000.000	1.028.200.002	86.246.331.774	86.246.331.774

Trong đó:

Vay với các bên liên quan:

(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

14.683.500.000	14.683.500.000	10.800.000.000	916.500.000	4.800.000.000	4.800.000.000
-----------------------	-----------------------	-----------------------	--------------------	----------------------	----------------------

(1) Là số tiền nợ gốc của Xí nghiệp Tô tầm Đan Hoài (năm 1997 bàn giao nguyên trạng sang Công ty Giấy Hà Tây, nay bàn giao sang Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế) vay Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây (nay là Chi nhánh Hà Đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển) mục đích vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh;

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.17. Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)

(2) Khoản vay giữa Công ty và Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực và Dịch vụ Quốc tế, thời hạn vay từ 01 tháng đến 03 tháng với lãi suất 6%/năm đến 7%/năm.

(3) Khoản vay theo Hợp đồng số 06/2021/HĐVV/ILS-NMT ngày 10/3/2021 giữa Công ty và Ông Nguyễn Minh Tuấn; Số tiền vay: 74.250.000.000 đồng; Thời hạn vay là 6 tháng; Lãi suất là 5%/năm; Hợp đồng này sẽ được tự động gia hạn thêm 6 tháng cho tới khi hai bên ký thanh lý hợp đồng. Số dư vay đến ngày 30/6/2024 là 76.090.993.151 đồng.

(4) Khoản vay theo Hợp đồng số 01/2023/HĐVV/ILS-PTMP ngày 04/4/2023 giữa Công ty và Bà Phạm Thị Mai Phương; Số tiền vay: 10.000.000.000 đồng; Thời hạn vay là 3 tháng; Lãi suất là 15,5%/năm; Hợp đồng này sẽ được tự động gia hạn thêm 3 tháng cho tới khi hai bên ký thanh lý hợp đồng. Số dư vay đến ngày 30/6/2024 là 400.000.000 đồng.

(5) Khoản vay giữa Công ty và Bà Đào Thị Kim Oanh, thời hạn vay từ 03 tháng đến 06 tháng với lãi suất vay từ 5%/năm đến 7%/năm.

(6) Khoản vay theo hợp đồng số 18/2024/HĐVV/ILS-ILST ngày 23/4/2024 giữa Công và Công ty cổ phần Interserco Mỹ Đình; Số tiền vay: 5.800.000.000 đồng; Thời hạn vay là 3 tháng; Lãi suất là 6%/năm; Hợp đồng này sẽ được tự động gia hạn thêm 6 tháng cho tới khi hai bên ký thanh lý hợp đồng.

(7) Khoản vay theo hợp đồng số 18/2024/HĐVV/ILS-ILST ngày 23/4/2024 giữa Công ty và Công ty cổ phần Interserco Mỹ Đình; Số tiền vay: 5.800.000.000 đồng; Thời hạn vay là 3 tháng; Lãi suất là 6%/năm; Hợp đồng này sẽ được tự động gia hạn thêm 6 tháng cho tới khi hai bên ký thanh lý hợp đồng. Số dư vay đến ngày 30/6/2024 là 3.283.500.000 đồng.

(8) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 817900011095 ngày 17/05/2022 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế và Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng - Phòng giao dịch Mỹ Đình; Giá trị tối đa của khoản vay là 1.117.000.000 đồng; Thời hạn vay là 5 năm; Lãi suất trong hạn là 7,5%/năm; Tài sản đảm bảo là xe ô tô Ford biển số 30H-706.52.

(9) Khoản vay theo Hợp đồng số 02/2023/HĐVV/ILS-ILST ngày 25/7/2023 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế và Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam; Số tiền vay: 3.000.000.000 đồng; Thời hạn vay là 24 tháng; Lãi suất là 7%/năm.

5.18. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Tổng</u>
Số dư tại 01/01/2023	360.000.000.000	(77.352.777.650)	282.647.222.350
Lãi trong năm trước	-	2.244.886.664	2.244.886.664
Số dư tại 31/12/2023	360.000.000.000	(75.107.890.986)	284.892.109.014
Số dư tại 01/01/2024	360.000.000.000	(75.107.890.986)	284.892.109.014
Lãi trong kỳ này	-	934.906.085	934.906.085
Số dư tại 30/6/2024	360.000.000.000	(74.172.984.901)	285.827.015.099

(i) Theo Quyết định 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt giá trị Doanh nghiệp và phương án cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế: “Giảm lỗ năm 2014 từ nguồn phải trả lãi vay Ngân hàng số tiền là 23.700.359.093 đồng. Công ty có trách nhiệm lập hồ sơ, thủ tục đề nghị Ngân hàng Phát triển Việt Nam xem xét, xử lý xoá nợ lãi vay phải trả theo quy định. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Bộ Tài chính và Ngân hàng Phát triển Việt Nam chưa có ý kiến chính thức về vấn đề này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.18. Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước (UBND Thành phố Hà Nội)	162.000.000.000	162.000.000.000
Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	97.200.000.000	97.200.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	100.800.000.000	100.800.000.000
Tổng	360.000.000.000	360.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	360.000.000.000	360.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	360.000.000.000	360.000.000.000

d. Cổ phiếu

	30/6/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.000.000	36.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.000.000	36.000.000
Cổ phiếu phổ thông	36.000.000	36.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.000.000	36.000.000
Cổ phiếu phổ thông	36.000.000	36.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (Đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

5.19. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ**a. Ngoại tệ các loại**

	30/6/2024		01/01/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.918,09	48.437.527	1.980,16	46.826.931
JPY	24.235	3.754.001	24.961	4.187.957
CNY	-	-	190.293	642.146.408
Tổng		52.191.528		693.161.296

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.19. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ (Tiếp theo)

b. Tài sản thuê ngoài

Tại ngày 30/06/2024, Công ty có ký các hợp đồng thuê đất với nhà nước nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo các quy định hiện hành. Thông tin các lô đất như sau:

- Lô đất thuê tại số 17 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội theo Quyết định 679/QĐ-UB ngày 23/01/2003, Hợp đồng thuê đất số 38-2003/ĐCND-HĐTĐTN ngày 08/4/2003 và Phụ lục Hợp đồng thuê đất ngày 15/10/2007 giữa bên cho thuê đất Sở Địa chính - Nhà đất Hà Nội và Công ty Dịch vụ lao động Hợp tác quốc tế (Nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế); Diện tích khu đất được thuê là 55.250 m², trong đó 50.029 m² đất nằm ngoài chỉ giới mở đường theo quy hoạch để xây dựng công trình, 5.221 m² đất nằm trong chỉ giới mở đường theo quy hoạch. Thời hạn thuê đất: 50 năm kể từ ngày 23/01/2003 đối với diện tích 50.029 m² đất nằm ngoài chỉ giới mở đường theo quy hoạch để xây dựng công trình, hàng năm đối với 5.221 m² đất nằm trong chỉ giới mở đường theo quy hoạch. Lô đất hiện tại đang sử dụng để hoạt động Cảng Nội địa (ICD) Mỹ Đình. Theo Quyết định 403/QĐ-UBND ngày 26/01/2015 của UBND Thành phố Hà Nội đã quyết định chấp thuận chủ trương di dời Cảng Nội địa (ICD) Mỹ Đình về xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội;

- Lô đất thuê tại xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức theo Quyết định 5550/QĐ-UBND ngày 11/8/2017, Hợp đồng thuê đất số 182/HĐTĐ-STNMT-CCQLĐĐ ngày 04/4/2018, Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 19/PLHĐTĐ-STNMT-KTĐ ngày 16/01/2003 giữa UBND Thành phố Hà Nội (Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội là đơn vị được ủy quyền) và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế; Diện tích đất thuê 21.081 m² đất tại xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, trong đó 19.756,4 m² đất nằm ngoài chỉ giới mở đường quy hoạch cho Công ty thuê theo hiện trạng để tiếp tục sử dụng vào mục đích cơ sở sản xuất kinh doanh, 733,5 m² đất nằm trong chỉ giới mở đường để sử dụng làm đường đi chung với khu tập thể, Công ty không được xây dựng công trình; 591,1 m² đất nằm trong chỉ giới mới đường quy hoạch và giới hạn hành lang bảo vệ mương, cho Công ty thuê hiện trạng, tuyệt đối không được xây dựng công trình, khi Nhà nước thu hồi phải bàn giao lại theo quy hoạch. Thời hạn thuê đất hàng năm.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.492.800.000	18.409.069.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	55.166.142.329	40.094.019.995
Tổng	56.658.942.329	58.503.088.995
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu với các bên liên quan: (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)	864.500.714	813.339.519

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Giá vốn bán hàng hóa	1.092.624.079	18.178.057.275
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	48.671.816.926	33.757.458.943
Tổng	49.764.441.005	51.935.516.218

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.015.330	5.725.912
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	7.134.386	5.145.172
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.624.348.000	3.260.592.000
Tổng	2.633.497.716	3.271.463.084
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu tài chính với các bên liên quan:</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>2.624.348.000</i>	<i>459.850.000</i>

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền vay	1.768.096.255	2.042.623.073
Lỗ tỷ giá đánh giá lại tỷ giá cuối kỳ	190.482.386	35.589.766
Tổng	1.958.578.641	2.078.212.839

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.324.847.858	17.354.528.018
Chi phí nhân viên quản lý	4.955.910.347	4.080.733.268
Chi phí đồ dùng văn phòng	385.606.407	67.214.536
Chi phí khấu hao TSCĐ	155.291.486	159.742.722
Thuế phí và lệ phí	21.886.741	38.018.984
Chi phí dự phòng	-	11.428.342.970
Chi phí dịch vụ mua ngoài	387.207.959	582.822.332
Chi phí bằng tiền khác	418.944.918	997.653.206
Tổng	6.324.847.858	17.354.528.018

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập khác	59.300	13.902
Tổng	59.300	13.902
Chi phí khác		
Phạt thuế, vi phạm hành chính và chậm nộp	170.418.277	-
Bồi thường, bị phạt	35.000.000	184.891.092
Chi phí khác	104.307.479	9.002.189
Tổng	309.725.756	193.893.281
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(309.666.456)	(193.879.379)

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	934.906.085	(9.787.584.375)
Các khoản điều chỉnh tăng	170.418.277	-
Các khoản điều chỉnh giảm	2.624.348.000	3.260.592.000
<i>Cổ tức được chia</i>	<i>2.624.348.000</i>	<i>3.260.592.000</i>
Tổng lợi nhuận kế toán tính thuế TNDN	(1.519.023.638)	(13.048.176.375)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	986.874.133	1.230.838.406
Chi phí nhân công	9.832.306.915	8.490.697.081
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.285.830.405	1.441.618.516
Chi phí dự phòng	(400.506.988)	11.428.342.970
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.203.827.823	45.383.991.337
Chi phí khác bằng tiền	1.452.850.539	1.368.721.414
Tổng	56.361.182.827	69.344.209.724

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây	Công ty con
Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	Công ty con
Công ty TNHH Logistics Interserco - Vật cách	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần cung ứng nhân lực và thương mại quốc tế	Công ty con
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quốc tế	Công ty liên kết
Trường Trung cấp Nghề Nhân lực Quốc tế Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chuỗi Cung ứng Liên hợp	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cảng Hồng Vân	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Bê tông Sơn Tây	Công ty liên kết gián tiếp

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này

Ảnh hưởng đáng kể

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	Thù lao	258.000.000	204.000.000
Lương, thưởng của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	Thu nhập	1.309.407.000	1.327.812.000

*Chi tiết như sau:***Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Bán hàng			864.500.714	813.339.519
Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	616.657.562	435.175.466
Công ty Cổ phần Chuỗi Cung ứng Liên hợp	Công ty liên kế	Cung cấp dịch vụ	8.916.560	8.470.480
Công ty Cổ phần Cung ứng nhân lực và Thương mại Quốc tế	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	52.200.000	120.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty liên kế	Cung cấp dịch vụ	85.617.012	167.945.033
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	Công ty liên kế	Cung cấp dịch vụ	41.109.580	33.748.540
Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	36.000.000	48.000.000
Công ty cổ phần Cảng Hồng Vân	Công ty liên kết gián tiếp	Cung cấp dịch vụ	24.000.000	-
Mua hàng			33.522.748.140	11.662.829.416
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty con	Mua dịch vụ	-	1.940.909
Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	Công ty con	Mua dịch vụ	-	413.250.000
Công ty cổ phần Cảng Hồng Vân	Công ty liên kết gián tiếp	Cước vận chuyển	33.522.748.140	11.247.638.507
Đi vay			10.000.000.000	-
Công ty cổ phần Interserco Mỹ Đình	Công ty con	Đi vay	5.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty liên kết	Đi vay	4.200.000.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09a - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
			VND	VND
Trả nợ gốc vay			1.716.500.000	700.000.000
Công ty Cổ phần Cung ứng nhân lực và thương mại Quốc tế	Công ty con	Trả nợ gốc vay	800.000.000	700.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty liên kết	Trả nợ gốc vay	916.500.000	-
Doanh thu tài chính			2.624.348.000	459.850.000
Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	Công ty con	Cổ tức được chia	527.850.000	850.000
Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây	Công ty con	Cổ tức được chia	683.298.000	459.000.000
Công ty Cổ phần Cung ứng nhân lực và thương mại Quốc tế	Công ty con	Cổ tức được chia	459.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	916.500.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	37.700.000	-

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2024	01/01/2024
		VND	VND
Phải thu khách hàng		374.000.600	2.333.177.191
Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	Công ty con	359.450.600	153.838.256
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	Công ty liên kết	-	43.585.954
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty liên kết	14.550.000	2.131.686.972
Công ty Cổ phần Chuỗi cung ứng Liên hợp	Công ty liên kết	-	4.066.009
Trả trước cho người bán		523.888.242	523.888.242
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	Công ty liên kết	523.888.242	523.888.242
Phải thu khác ngắn hạn		1.070.847.693	770.602.349
Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	Công ty con	743.704.320	753.214.349
Công ty Cổ phần Cung ứng nhân lực và Thương mại quốc tế	Công ty con	-	12.420.000
Công ty Cổ phần Thương mại quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty liên kết	326.315.373	4.140.000
Trường Trung cấp nghề nhân lực quốc tế Hà Nội	Công ty con	828.000	828.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09a - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu khác dài hạn		32.615.582.885	29.202.466.109
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	Công ty con	32.615.582.885	29.202.466.109
Phải trả người bán		43.741.220	9.094.900
Công ty Cổ phần Bánh Givral - Chi nhánh Hà Nội	Công ty con	411.750	2.899.900
Công ty TNHH MTV Sao hôm Nha Trang	Công ty con	43.329.470	6.195.000
Chi phí phải trả		222.521.282	101.701.370
Công ty Cổ phần Cung ứng nhân lực và thương mại Quốc tế	Công ty con	10.356.164	10.701.370
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty liên kết	152.438.913	91.000.000
Công ty cổ phần Logistics Hàng Không	Cổ đông lớn	59.726.205	-
Phải trả khác		96.425.126.994	96.725.126.994
Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	Công ty con	14.307.344.849	14.607.344.849
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty liên kết	46.624.077.617	46.624.077.617
Công ty cổ phần Logistics Hàng Không	Cổ đông lớn	35.493.704.528	35.493.704.528
Vay ngắn hạn		11.683.500.000	1.800.000.000
Công ty Cổ phần Cung ứng nhân lực và thương mại Quốc tế	Công ty con	2.600.000.000	1.800.000.000
Công ty cổ phần Interserco Mỹ Đình	Công ty con	5.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty liên kết	3.283.500.000	-
Vay dài hạn		3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty liên kết	3.000.000.000	3.000.000.000

019
TY
H
Á
N
A

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.2 Thông tin khác

Theo hợp đồng nguyên tắc hợp tác liên doanh số 09/2011/HĐLD/AZ-INTERSERCO ngày 30/03/2011 được ký giữa Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (Bên B) và Công ty Cổ phần bất động sản AZ (Bên A) và bà Phạm Thị Hạnh (Bên C), các bên thống nhất cùng nhau thành lập một Công ty để tiến hành các thủ tục xin phép đầu tư, xây dựng và quản lý công trình xây dựng tổ hợp chung cư hỗn hợp cao cấp kết hợp văn phòng thương mại trên khu đất khoảng 38.000 m² tại 17 đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội. Phụ thuộc vào việc sau khi được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội chấp nhận chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng đất và lập dự án đầu tư tại 17 đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội, các Bên sẽ góp phần thành lập Công ty cổ phần và lập dự án đầu tư tại địa chỉ nói trên.

Theo đó, Bên A và Bên C chịu trách nhiệm lập dự án, hoàn thiện các thủ tục theo quy định và trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Sau khi dự án được phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500, Bên B phải hoàn thành lập dự án chi tiết việc di dời cảng ICD ra ngoài vành đai 4 (tại Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội).

Theo tiến độ thực hiện dự án, bên B sẽ tiến hành thi công dự án theo lộ trình từng phần phù hợp với mặt bằng đã được di chuyển hoàn tất, bắt đầu từ tháng 12 năm 2012. Theo phụ lục hợp đồng số 02 ngày 06/03/2016, Bên C đã được chuyển thành bà Tạ Thị Thúy Trang.

Theo Văn bản số 3580/UBND-KT ngày 15/6/2016 của UBND Thành phố Hà Nội về việc góp vốn thành lập Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Vimediland của Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế: "Sau khi xem xét, UBND Thành phố có ý kiến như sau: Chấp thuận đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 2998/STC-TĐND ngày 30/05/2016; cho phép Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế góp vốn thành lập Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Vimediland để thực hiện dự án Tổ hợp thương mại và căn hộ cao cấp City of Dreams theo quy hoạch tại số 17 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình II, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, với mức vốn điều lệ của Công ty cổ phần là 290 tỷ đồng (hai trăm chín mươi tỷ đồng). Trong đó, Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế góp 26% vốn điều lệ, tương ứng 75.400.000.000 đồng (Bảy mươi lăm tỷ, bốn trăm triệu đồng) bằng tài sản trên đất, giá trị lợi thế quyền khai thác tại sân trên đất tại số 17 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình II, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội và từ nguồn tiền có được đền bù thỏa thuận hỗ trợ".

Theo Thông báo kết quả kiểm toán số 902/TB-KVI ngày 11/12/2018 tại Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (nay là Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế) của Kiểm toán Nhà nước khu vực I về kiểm toán chuyên đề việc xác định giá trị doanh nghiệp, thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý Nhà nước của UBND Thành phố Hà Nội giai đoạn 2013-2017. Kiểm toán Nhà nước có kiến nghị với UBND Thành phố Hà Nội liên quan đến phương án sử dụng đất chưa phù hợp, chậm triển khai:

- Xem xét điều chỉnh các quyết định phê duyệt chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng đất thực hiện dự án từ lâu nhưng không thực hiện đảm bảo đúng quy định của pháp luật; Xem xét điều chỉnh quyết định cho phép chuyển đổi công năng sử dụng đất từ trụ sở làm việc sang đất thương mại, dịch vụ không đúng phương án cổ phần hóa; chuyển đổi mục đích sử dụng khu đất 11.959 m² tại 17 Phạm Hùng của Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế và bổ sung chuyển đổi mục đích sử dụng đất 2.746,9 m² tại 358 đường Láng cho Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế để kinh doanh dịch vụ và thương mại.
- Chỉ đạo rà soát, đàm phán hủy bỏ các hợp đồng liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư chuyển đổi mục đích sử dụng đất, liên quan đến quyền sử dụng đất thuê Nhà nước, trả tiền hàng năm không đúng quy định; đánh giá lại năng lực các nhà đầu tư, nếu không đủ năng lực triển khai dự án thì làm việc với đối tác để chấm dứt hợp đồng giữa Công ty với Công ty Đầu tư và Thương mại Hệ thống Quốc tế và bà Nguyễn Thị Thu Thảo để triển khai dự án 11.959,5 m² tại số 17 đường Phạm Hùng từ năm 2007 đến nay vẫn chưa triển khai dự án. Thực hiện đấu thầu để lựa chọn đối tác góp vốn liên doanh, liên kết để chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đầu tư xây dựng, kinh doanh thương mại dịch vụ, bất động sản... gắn với quyền sử dụng đất nhằm đảm bảo tính cạnh tranh, hiệu quả nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Trưởng Giám đốc



Phùng Ngọc Dung

Phạm Xuân Phương

Vũ Hoàng Thao

